

Xây dựng và áp dụng các chiến lược học từ vựng Tiếng Anh cho sinh viên

Nguyễn Hồng Giang*

*ThS, Tổ TA2, Khoa SPTA, Trường ĐHNH, ĐHQG, HN

Received: 18/01/2024; Accepted: 25/01/2024; Published: 8/02/2024

Abstract: Vocabulary learning strategies are a subset of language learning strategies, which themselves fall under the broader category of general learning strategies. Schmitt (1997) offers a valuable summary of the increasing significance of strategy implementation in second language acquisition, highlighting its origins in recognizing learners' active involvement in the learning process.

Keywords: Vocabulary, learning strategies, Schmitt

1. Đặt vấn đề

Tiếng Anh là một trong những ngôn ngữ phổ biến nhất trên thế giới, và việc nắm vững từ vựng trong tiếng Anh đóng vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình học và sử dụng ngôn ngữ này. Từ vựng không chỉ là các đơn vị ngôn ngữ cơ bản, mà nó còn là chìa khóa giúp chúng ta hiểu và được hiểu trong các tình huống giao tiếp, đọc hiểu, viết và nghe tiếng Anh.

Một từ vựng phong phú và đa dạng mở ra cánh cửa cho sự khám phá của ngôn ngữ. Nó giúp chúng ta diễn đạt ý tưởng, cảm xúc và thông tin một cách chính xác và súc tích. Từ vựng cũng đóng vai trò quan trọng trong việc tạo nên sự sắc sảo và giàu sức thuyết phục trong các bài viết và bài thuyết trình.

Tuy nhiên, việc học từ vựng không chỉ đơn giản là ghi nhớ danh sách từ và ý nghĩa của chúng. Đối với một ngôn ngữ phong phú như tiếng Anh, từ vựng cũng mang theo các ngữ cảnh và cấu trúc ngữ pháp riêng. Việc nắm bắt được cách sử dụng từ vựng trong các ngữ cảnh khác nhau là điều cần thiết để sử dụng chúng một cách chính xác và linh hoạt.

Trong bài viết này, chúng ta sẽ khám phá tầm quan trọng của từ vựng trong việc học tiếng Anh và những chiến lược hiệu quả để mở rộng từ vựng của Schmitt (1997). Ngoài ra, chúng ta sẽ tìm hiểu cách học từ vựng một cách hiệu quả, tận dụng các nguồn tài liệu phong phú và áp dụng các phương pháp học phù hợp với phong cách cá nhân của mỗi người.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Định nghĩa từ vựng và tầm quan trọng của từ vựng

Định nghĩa “từ vựng” đã được nhiều nhà nghiên cứu trên toàn thế giới đưa ra. Trong tiếng Hy Lạp, “lexis” có nghĩa là “từ”, còn trong tiếng Anh, nó được định nghĩa là “tất cả các từ trong một ngôn ngữ, hoặc là toàn bộ từ vựng của một ngôn ngữ”

(Barcroft, 2011). Cách giải thích này chỉ ra rằng từ vựng cũng bao gồm cả các từ đơn lẻ, cụm từ, hay chuỗi từ. Không thể phủ nhận từ vựng đóng một vai trò then chốt trong bất kỳ ngôn ngữ nào, bất kể nguồn gốc của chúng.

David Wilkins, một nhà ngôn ngữ học người Anh đã khẳng định: “Không có ngữ pháp thì rất ít thông tin có thể truyền đạt được, không có từ vựng thì không có thông tin gì có thể truyền đạt được”. Câu nói này cho thấy tầm quan trọng hàng đầu của từ vựng trong quá trình học một ngôn ngữ. Mặc dù từ vựng chỉ là một thành phần nhỏ, nhưng lại là yếu tố cốt lõi trong việc hình thành kỹ năng sử dụng ngôn ngữ của người học. Với một vốn từ vựng phong phú, người học sẽ phát triển kỹ năng giao tiếp, viết luận và diễn thuyết. Hơn nữa, nhờ từ vựng, người học có thể hiểu ý tưởng của người khác và diễn đạt rõ ràng và súc tích những suy nghĩ của mình.

Học từ vựng là quá trình mà người học nắm được vốn từ trong các ngôn ngữ cụ thể. Tuy nhiên, học từ vựng không chỉ đơn giản là ghi nhớ một từ và ý nghĩa của nó mà còn liên quan đến việc thiết lập mối quan hệ giữa các dạng thức, ý nghĩa và chức năng của từ đó, cả trong văn nói và văn viết, cũng như hiểu được sự kết hợp của chúng với nhau. Nói tóm lại, học từ vựng nghĩa là nắm bắt đầy đủ ý nghĩa, dạng thức và cách sử dụng của từ đó, bao gồm cả phát âm, đánh vần, tiền tố, hậu tố và gốc từ.

Rivers và Nunan (1991) lập luận rằng việc tiếp thu từ vựng một cách đầy đủ là một công thức thành công chung của việc sử dụng ngôn ngữ thứ hai vì việc thiếu từ vựng khiến người học không thể sử dụng các cấu trúc và chức năng mà chúng ta có thể quen thuộc trong giao tiếp hàng ngày. Hơn nữa, Wei và Atlan (2013) cũng nhấn mạnh vai trò quan trọng của học từ vựng bằng cách nói rằng “Từ là nền tảng

cơ bản của một ngôn ngữ. Biết các mục từ vựng trong ngôn ngữ đích là một yêu cầu vì nó phản ánh kiến thức của một người cũng như trình độ và năng lực về ngôn ngữ đó. Khi đã biết đủ số từ, người học có thể xâu chuỗi các từ này lại với nhau để tạo nên ý nghĩa cho giao tiếp.” Nhìn chung, nếu không có kiến thức về từ vựng thì việc giao tiếp sẽ bị cản trở nghiêm trọng do thiếu từ ngữ để mọi người thể hiện bản thân và nhận được tin nhắn của họ truyền cho nhau.

Điều này cũng được Schmitt (1997) khẳng định “kiến thức từ vựng là trung tâm năng lực giao tiếp và khả năng tiếp thu ngôn ngữ thứ hai”. Có thể nói rằng một phạm vi từ vựng hạn hẹp có thể cản trở việc giao tiếp thành công.

2.2. Phân loại chiến lược học từ vựng

Trong việc phân loại các chiến lược học tập, một số học giả đã phân loại các chiến lược học từ vựng thành nhiều loại khác nhau dựa vào những kết quả từ nghiên cứu của họ. Những hệ thống phân loại này đã đóng góp một phần quan trọng vào kiến thức chung về các chiến lược học từ vựng, có thể kể đến như là hệ thống của Cohen (1987), Gu and Johnson (1996), Schmitt (1997) và Nation (2005). Với mục đích phục vụ cho nghiên cứu này thì phương pháp phân loại được phát triển bởi Schmitt (1997) đã được sử dụng. Ông ấy đề xuất hai khía cạnh của việc học từ vựng bao gồm: chiến lược khám phá và chiến lược củng cố. Chiến lược khám phá là những chiến lược được sử dụng để khám phá nghĩa của những từ vựng mà người học được thấy lần đầu, trong khi Journal of Inquiry into Languages and Cultures ISSN 2525-2674 Vol 6, No 1, 2022 88 chiến lược củng cố thì được áp dụng để giúp người học hiểu rõ hơn và tiếp thu ý nghĩa của những từ đó khi họ gặp lại chúng sau này. Các chiến lược này được chia nhỏ thành 5 loại dưới dạng chiến lược xác định (DET) đề cập đến những chiến lược học tập cá nhân giúp người học tự khám phá nghĩa của từ mà không cần đến sự giúp đỡ của giáo viên hay bạn bè đồng trang lứa. Mặt khác, chiến lược xã hội (SOC) thì thúc đẩy người học tương tác nhiều hơn với người khác, trong khi phương pháp ghi nhớ (MEM) thì lại giúp người học tiếp thu được những từ mới bằng cách sử dụng kiến thức hiện tại hoặc kiến thức nền của bản thân để liên hệ các từ mới này. Khá tương đồng với chiến lược ghi nhớ là chiến lược nhận thức (COG). Tuy nhiên, sự khác nhau ở chỗ chiến lược nhận thức không tập trung quá sâu vào quá trình vận dụng kỹ năng. Nhóm chiến lược này bao gồm quá trình lặp lại và sử dụng những công cụ máy móc cho quá trình học từ vựng. Trong khi đó, chiến lược siêu nhận thức (MET) lại

là phương pháp liên quan nhiều hơn đến những quá trình như là việc đưa

2.3. Chiến lược học từ vựng

Oxford (1990) đã định nghĩa chúng “như là những hoạt động được người học sử dụng để hỗ trợ cho việc tiếp thu, lưu trữ, xây dựng và sử dụng thông tin (từ vựng)”. Nói một cách đơn giản, chiến lược học từ vựng là những hoạt động đặc biệt mà người học thực hiện nhằm làm cho việc học tập từ vựng dễ dàng nhất, nhanh nhất, vui vẻ hơn, chủ động hơn và dễ dàng áp dụng các từ vựng đó trong giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ. Chiến lược đóng vai trò đặc biệt quan trọng giúp cho việc học từ vựng dễ dàng hơn, nhanh hơn, hứng thú hơn, khoa học hơn, hiệu quả hơn. Vì thế việc sử dụng những chiến lược phù hợp sẽ giúp người học mở rộng vốn từ và nâng cao khả năng sử dụng ngôn ngữ

Schmitt (1997) đã đề xuất 57 chiến lược học từ vựng và chia thành năm nhóm: chiến lược xác định, chiến lược xã hội, chiến lược ghi nhớ, chiến lược nhận thức, chiến lược siêu nhận thức. Đây cũng là cách phân loại được kế thừa thành tựu nghiên cứu về chiến lược học của nhà nghiên cứu ngôn ngữ Oxford (1990).

Chiến lược xác định liên quan đến các chiến lược học tập cá nhân cho phép học sinh khám phá nghĩa của từ tiếng Anh bằng cách sử dụng các chiến lược phụ như: phân tích cấu trúc của từ, đoán nghĩa của từ theo ngữ cảnh, cử chỉ hoặc hình ảnh có sẵn hoặc sử dụng thẻ ghi nhớ, từ điển và danh sách từ.

Chiến lược xã hội khác biệt với chiến lược xác định vì nó yêu cầu người học giao tiếp với những người khác để tìm hiểu ý nghĩa của từ vựng. Người học có thể học nghĩa của từ bằng cách nhờ người khác như giáo viên hoặc bạn cùng lớp dịch một từ chưa biết sang tiếng mẹ đẻ, đưa ra các từ đồng nghĩa, trái nghĩa của từ đó, chiến lược đặt câu với từ vựng hoặc tham gia vào các hoạt động nhóm để khám phá nghĩa của từ tiếng Anh. Bên cạnh đó, người học có thể sử dụng chiến lược này để ghi nhớ và củng cố vốn từ vựng có được thông qua tương tác với người bản ngữ hoặc các hoạt động nhóm. Bằng cách này, giáo viên có thể ôn lại từ vựng bằng các tấm thẻ mang thông tin và danh sách từ của học sinh để có sự thống nhất trong quá trình học từ vựng.

Trong chiến lược ghi nhớ, người học kết hợp việc học từ mới với xử lý trí não bằng cách tích hợp thông tin hiện tại hoặc ngữ cảnh cụ thể với các từ mới. Một từ mới có thể được tích hợp vào nhiều loại kiến thức hiện có (nghĩa là kết hợp từ đó với kinh nghiệm trước đây hoặc với từ đã biết) hoặc hình ảnh có thể được

tùy chỉnh sau đó được truy xuất ra (tức là hình ảnh về từ loại hoặc nghĩa của từ đó).

Các chiến lược nhận thức là các chiến lược không thu hút người học tham gia vào quá trình xử lý trí não mà nó mang tính máy móc hơn. Nó có nghĩa là người học có thể sử dụng các thẻ mang thông tin, danh sách từ hoặc lặp lại bằng lời nói và viết lại để ghi nhớ từ vựng cũng như ôn tập từ đó. Hơn nữa, người học có thể sử dụng các chiến lược hỗ trợ học tập như ghi chú khi học trên lớp, sử dụng phần từ vựng trong sách giáo khoa, nghe băng danh sách từ, dán nhãn tiếng Anh trên các vật dụng thật để nâng cao quá trình học từ vựng.

Các chiến lược siêu nhận thức có liên quan đến cả quá trình học tập bao gồm việc quan sát, đưa ra quyết định và đánh giá sự tiến bộ. Theo Schmitt (1997), người học có thể “kiểm soát và đánh giá việc học của mình bằng cách có một cái nhìn tổng thể về quá trình học tập nói chung”. Nói cách khác, chiến lược Siêu nhận thức bao gồm việc lập kế hoạch và tự đánh giá quá trình học tập của bản thân người học ngôn ngữ.

2.4. Một số gợi ý định hướng áp dụng các chiến lược học từ vựng

Tỷ lệ từ vựng: Schmitt đề xuất rằng người học nên đặt ra một mục tiêu về số lượng từ vựng muốn học trong một khoảng thời gian nhất định. Việc đặt mục tiêu giúp người học tập trung và có kế hoạch học từ vựng một cách có hệ thống.

Từ vựng thông qua ngữ cảnh: Học từ vựng trong ngữ cảnh thực tế và sử dụng chúng trong các hoạt động ngôn ngữ hàng ngày. Điều này giúp người học hiểu cách sử dụng từ vựng một cách tự nhiên và linh hoạt.

Ôn lại định kỳ: Cần lập kế hoạch ôn lại từ vựng đã học theo một lịch trình định kỳ. Việc lặp lại từ vựng theo khoảng thời gian rải rác giúp củng cố và ghi nhớ từ vựng lâu dài.

Sử dụng từ điển: Sử dụng từ điển để tra cứu nghĩa, cách sử dụng và ngữ cảnh của từ vựng mới. Từ điển cũng cung cấp các thông tin phụ trợ như từ loại, collocation và từ đồng nghĩa, giúp người học hiểu sâu hơn về từ vựng.

Đọc rộng: Đọc các văn bản và tài liệu đa dạng để tiếp xúc với nhiều từ vựng trong các ngữ cảnh khác nhau. Điều này giúp người học mở rộng vốn từ vựng và hiểu biết về ngôn ngữ.

Học từ vựng qua từng nhóm từ liên quan: Học từ vựng theo nhóm từ có liên quan giúp người học tạo ra các liên kết và mối quan hệ, giúp ghi nhớ từ vựng một cách dễ dàng và linh hoạt hơn.

Sử dụng flashcard và ghi chú: Sử dụng flashcard

hoặc ghi chú để học và ôn lại từ vựng. Viết từ vựng và ý nghĩa của chúng lên flashcard hoặc ghi chú giúp người học ghi nhớ và ôn lại từ vựng một cách hiệu quả.

Những gợi ý trên đây Schmitt nhấn mạnh việc học từ vựng thông qua ngữ cảnh thực tế, sự ôn lại định kỳ và việc tạo liên kết giữa các từ vựng.

3. Kết luận

Từ vựng là nền tảng của ngôn ngữ và đóng vai trò quan trọng trong việc giao tiếp hiệu quả. Các chiến lược học từ vựng đã chứng minh rằng chúng không chỉ giúp mở rộng vốn từ vựng mà còn tạo ra một nền tảng vững chắc cho việc tiếp thu và sử dụng từ ngữ một cách tự tin và linh hoạt. Học từ vựng trong ngữ cảnh thực tế, ôn lại từ vựng định kỳ, sử dụng từ điển và học từ vựng theo nhóm từ liên quan đều mang lại những lợi ích to lớn trong việc nắm bắt và sử dụng từ vựng một cách hiệu quả.

Từ vựng mang lại sự giàu có và sự linh hoạt trong việc diễn đạt ý kiến, tư duy và cảm xúc. Nắm vững từ vựng giúp chúng ta truyền đạt ý nghĩa một cách chính xác và truyền tải thông điệp một cách hiệu quả đến người nghe hoặc độc giả. Đồng thời, từ vựng phong phú cũng giúp chúng ta hiểu sâu hơn văn hóa và tư duy của ngôn ngữ mà chúng ta đang học.

Không chỉ trong việc học ngôn ngữ, từ vựng còn có vai trò quan trọng trong các kỹ năng khác như đọc, viết và nghe. Việc có từ vựng đa dạng và chính xác giúp chúng ta hiểu và sáng tạo nội dung văn bản, truyền đạt ý tưởng và nhận biết các ý kiến khác nhau trong văn bản. Trong quá trình nghe, từ vựng phong phú giúp chúng ta nắm bắt thông tin một cách chính xác và hiểu rõ hơn nội dung của người nói.

Tài liệu tham khảo

1. Alqahtani, L. (2015). “The importance of vocabulary in language learning and how to be taught”. *International Journal of Teaching and Education*, III (3), pp. 21 - 34.
2. Nation, I. S. (2001). *Learning Vocabulary in Another Language*. Cambridge: Cambridge University Press.
3. Oxford, R. L. (1990). *Language learning strategies: What every teacher should know*. Boston: Heinle and Heinle
4. Schmitt, N. (1997). Vocabulary learning strategies. In N. Schmitt & McCarthy (Eds.), *Vocabulary: description, acquisition and pedagogy* (pp.199-228). Cambridge: Cambridge University Press.
5. Wilkins, D.A. (1972). *Linguistics in Language Teaching*. Australia: Edward Arnold.